TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-09-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Hoàng và ông Nguyễn Lâm Tới.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/08/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Chau Sóc N năm 1992; nơi cư trú: tổ D, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang(vắng mặt).

2. Bị đơn: bà Neàng Sa Q năm 1986; nơi cư trú: tổ A, ấp S, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Chau Sóc N1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Neàng Sa Q1 mai mối và tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V 13/01/2015. Ông N và bà Neàng Sa Q2 sống không hạnh phúc, sau khi kết hôn, tuy sống chung nhưng giữa chúng ông N không có tình cảm, không nói chuyện với nhau, không có sự gần gủi giữa vợ chồng và không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Đến khoảng tháng 07 năm 2015, giữa ông N và bà Neàng Sa Q3 sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng cự cải dẫn đến bất hòa, không khắc phục được và không còn chung sống

với nhau đến ngày nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà Q

Về con chung; về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn bà Neàng Sa Q5: thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có nguyên đơn ông N2 mặt, bị đơn bà Q6 mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 13/09/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng nguyên đơn ông Chau Sóc N3 mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Neàng Sa Q7 mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Chau Sóc N3 mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Neàng Sa Q8 tục vắng mặt lần 2 không có lý do và không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Q chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông và bà Q9 quen biết nhau, có tổ chức tiệc cưới theo phong tục có sự chứng kiến của cha, mẹ hai bên và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Xét về tình cảm giữa ông N và bà Q10 còn hạnh phúc khoảng 8 năm nay, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đặt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Q11 trình Tòa án giải quyết bà Q12 không thể hiện ý kiến của mình, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung; về tài sản, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chau Sóc N4 với bà Neàng Sa Q13

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: không đề xuất;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn thị xã T, tỉnh An GiangTòa án nhân dân thị xã T thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn ông Chau Sóc N5 đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Neàng Sa Q14 được Tòa án tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2, nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân được xác lập vào năm 13/01/2015, trong thời điểm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập năm 13/01/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại địa phương thì tình trạng hôn nhân có phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 7 tháng 2015 giữa ông N và bà Q15 ly thân nhau đến ngày nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng vợ chồng ông Nbà Q16 đã không còn sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2015 đến nay, do mâu thuẫn gia đình. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân là trầm trọng, không thể hàn gắn để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn ông N6 kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Q17 có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chứng minh, nguyên đơn ông Chau Sóc N7 kiện và đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Đối với bị đơn bà Neàng Sa Q18 quá trình tố tụng đã được Toà án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập đến Toà án để giải quyết vụ việc nhưng bà Q10 đến không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan; không gửi ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án nhằm thể hiện sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét gì cho bị đơn.

[8] Xét luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Chau Sóc N8 người xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Bị đơn bà Neàng Sa Q13 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Chau Sóc Na .

Về quan hệ hôn nhân: Ông Chau Sóc N9 ly hôn bà Neàng Sa Q13

Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã V (nay là thị xã) T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Chau Sóc N10 chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0009100 ngày 28/04/2023 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm satgs nhân dân thị xã Tịnh Biên
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- Ủy ban nhân dân xã/phường nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú